

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
HĐ TUYỂN SINH THẠC SĨ
ĐỢT 2 NĂM 2024

KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG, ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ,
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY, ĐỢT 2 NĂM 2024, KHÓA 50

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trúng tuyển (thang 10)	Chương trình đào tạo	Ghi chú
Ngành Đại số và Lý thuyết số							
1	Lê Hoàng	Long	31/05/2002	Đà Nẵng	8.03	Định hướng ứng dụng	
2	Trần Thị Ngọc	Phuong	05/02/2002	Kon Tum	7.33	Định hướng ứng dụng	
Ngành Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục Mầm non							
1	Lê Thị Phương	Phi	03/03/1998	Long An	8.08	Định hướng ứng dụng	
Ngành Giáo dục học - Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học							
1	Trần Hà Tường	An	21/09/2002	Quảng Nam	8.45	Định hướng nghiên cứu	
2	Nguyễn Kiều	Anh	14/02/2002	Đà Nẵng	8.35	Định hướng nghiên cứu	
3	Dương Tuấn	Anh	11/01/1998	Quảng Nam	8.35	Định hướng nghiên cứu	
4	Tôn Nữ Gia	Bảo	30/10/2002	Thừa Thiên Huế	8.09	Định hướng nghiên cứu	
5	Lê Đoàn Khánh	Hà	30/09/1999	Đà Nẵng	8.57	Định hướng nghiên cứu	
6	Đoàn Thị Ngọc	Hân	16/05/1988	Đà Nẵng	8.58	Định hướng nghiên cứu	
7	Vũ Thị Minh	Hằng	15/12/2001	Hà Tĩnh	8.34	Định hướng nghiên cứu	
8	Nguyễn Thị	Hoa	22/03/2002	Quảng Nam	8.34	Định hướng nghiên cứu	
9	Phạm Thị	Hoa	28/01/1996	Quảng Nam	8.83	Định hướng nghiên cứu	
10	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	23/09/2000	Quảng Nam	8.15	Định hướng nghiên cứu	
11	Đỗ Thị Thanh	Hường	23/01/2001	Đà Nẵng	8.09	Định hướng nghiên cứu	
12	Hồ Thị Thu	Liều	30/11/1996	Đà Nẵng	8.29	Định hướng nghiên cứu	
13	Nguyễn Thị Hồng	Linh	04/11/2001	Gia Lai	8.22	Định hướng nghiên cứu	
14	Chế Ngọc	Mỹ	01/09/1998	Bình Định	8.21	Định hướng nghiên cứu	
15	Lê Quỳnh	Ngân	22/05/2001	Quảng Nam	8.26	Định hướng nghiên cứu	
16	Lê Thị Kim	Nguyên	13/08/2000	Đà Nẵng	8.12	Định hướng nghiên cứu	
17	Đinh Thị Uyên	Nhi	21/06/2002	Đà Nẵng	8.68	Định hướng nghiên cứu	
18	Trần Thị Mỹ	Nhung	03/09/2002	Đà Nẵng	8.61	Định hướng nghiên cứu	
19	Nguyễn Thị	Phúc	03/02/2000	Đà Nẵng	8.41	Định hướng nghiên cứu	
20	Nguyễn Thị Bích	Phuong	02/06/2002	Nghệ An	8.35	Định hướng nghiên cứu	
21	Trần Văn	Tâm	08/03/1997	Quảng Nam	8.18	Định hướng nghiên cứu	
22	Hoàng Thị Phương	Thảo	24/09/2001	Quảng Bình	8.30	Định hướng nghiên cứu	
23	Trần Thị	Thảo	27/12/2001	Đà Nẵng	8.36	Định hướng nghiên cứu	
24	Võ Thị Hồng	Thụy	17/11/1989	Quảng Trị	8.24	Định hướng nghiên cứu	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trúng tuyển (thang 10)	Chương trình đào tạo	Ghi chú
25	Ngô Thị Phương	Tĩnh	10/05/2002	Quảng Nam	8.79	Định hướng nghiên cứu	
26	Lê Hoàng Bích	Trâm	22/09/2002	Đà Nẵng	8.25	Định hướng nghiên cứu	
27	Nguyễn Thị Huyền	Trân	10/01/2000	Đà Nẵng	8.15	Định hướng nghiên cứu	
28	Nguyễn Thị Thảo	Trang	22/03/1991	Đà Nẵng	8.43	Định hướng nghiên cứu	
29	Bùi Võ Hoàng	Trúc	25/02/2002	Đà Nẵng	8.35	Định hướng nghiên cứu	
30	Trần Nguyễn Thạch	Truyền	13/05/2001	Quảng Nam	8.14	Định hướng nghiên cứu	
31	Đặng Nguyễn Tố	Uyên	22/10/2000	Bình Định	8.16	Định hướng nghiên cứu	
32	Lê Thị Tường	Vy	10/02/2002	Quảng Ngãi	8.58	Định hướng nghiên cứu	
33	Trương Thị Như	Ý	27/08/2002	Đắk Lắk	8.31	Định hướng nghiên cứu	
34	Trần Thị Hải	Yến	04/10/1990	Quảng Trị	8.64	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Hệ thống thông tin							
1	Huỳnh Thị Nga	My	05/11/1990	Quảng Nam	7.50	Định hướng ứng dụng	
Ngành Hóa hữu cơ							
1	Nguyễn Văn	Tứ	21/01/1996	Đà Nẵng	7.21	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý							
1	Trần Thảo	Nhi	08/04/2002	Đà Nẵng	8.59	Định hướng nghiên cứu	
2	Đoàn Trần Thảo	Oanh	18/11/2002	Đà Nẵng	7.95	Định hướng nghiên cứu	
3	Lê Nhật	Phương	18/01/2002	Đà Nẵng	8.43	Định hướng nghiên cứu	
4	Tăng Nữ Thảo	Vân	14/08/2000	Đà Nẵng	7.15	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Lịch sử Việt Nam							
1	Huỳnh Phan Như	Hảo	03/04/2001	Phú Yên	7.49	Định hướng nghiên cứu	
2	Nguyễn Thị Minh	Hoàng	05/12/2001	Đà Nẵng	8.82	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Ngôn ngữ học							
1	Hoàng Lan	Anh	01/04/1999	Quảng Bình	8.44	Định hướng nghiên cứu	
2	Trần Thanh	Hiền	02/12/2002	Đà Nẵng	8.56	Định hướng nghiên cứu	
3	Phạm Thị Phương	Linh	10/02/2002	Quảng Bình	8.42	Định hướng nghiên cứu	
4	Trần Thị Uyên	Nhi	17/09/2002	Đà Nẵng	8.27	Định hướng nghiên cứu	
5	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/02/2002	Quảng Nam	8.85	Định hướng nghiên cứu	
6	Nguyễn Thanh	Trà	15/07/1991	Quảng Bình	8.62	Định hướng nghiên cứu	
7	Nguyễn Quỳnh	Trang	16/07/2002	Quảng Bình	8.36	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Quản lý giáo dục							
1	Trương Công Vũ	Hằng	22/05/1990	Quảng Nam	8.15	Định hướng nghiên cứu	
2	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/04/1992	Đà Nẵng	7.74	Định hướng nghiên cứu	
3	Nguyễn Thị Bích	Hòa	01/01/1997	Đà Nẵng	7.40	Định hướng nghiên cứu	
4	Lê Thị Thanh	Hồng	27/06/1994	Đà Nẵng	7.20	Định hướng nghiên cứu	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trúng tuyển (thang 10)	Chương trình đào tạo	Ghi chú
5	Ngô Nguyễn Nhật	Hùng	11/01/1994	Quảng Nam	8.00	Định hướng nghiên cứu	
6	Nguyễn Thanh	Hung	23/01/1990	Đà Nẵng	6.93	Định hướng nghiên cứu	
7	Trần Thị Thanh	Hương	03/03/1992	Đà Nẵng	8.27	Định hướng nghiên cứu	
8	Trương Thị	Huyền	22/11/1993	Nghệ An	8.17	Định hướng nghiên cứu	
9	Đặng Linh	Lan	28/08/1995	Đà Nẵng	7.46	Định hướng nghiên cứu	
10	Nguyễn Thị Lê	Na	08/06/1987	Nghệ An	7.66	Định hướng nghiên cứu	
11	Đinh Thị Kim	Nga	03/09/1982	Quảng Nam	7.70	Định hướng nghiên cứu	
12	Lê Việt	Nghĩa	27/12/1984	Quảng Nam	8.02	Định hướng nghiên cứu	
13	Trần Thị Yến	Nhi	21/08/1994	Đà Nẵng	8.01	Định hướng nghiên cứu	
14	Lê Thị Hồng	Oanh	24/12/1982	Đà Nẵng	8.50	Định hướng nghiên cứu	
15	Hồ Thị Minh	Phương	05/08/1988	Đà Nẵng	7.44	Định hướng nghiên cứu	
16	Tân Thị	Quyên	10/06/1986	Đà Nẵng	8.50	Định hướng nghiên cứu	
17	Nguyễn Ngọc	Quyên	10/07/1983	Quảng Nam	7.30	Định hướng nghiên cứu	
18	Nguyễn Thị	Sương	01/03/1993	Đà Nẵng	7.65	Định hướng nghiên cứu	
19	Nguyễn Thị	Thảo	01/01/1991	Đà Nẵng	7.82	Định hướng nghiên cứu	
20	Nguyễn Thị Phú	Thọ	01/01/1984	Quảng Nam	7.80	Định hướng nghiên cứu	
21	Nguyễn Văn	Thoan	14/06/1987	Quảng Bình	7.86	Định hướng nghiên cứu	
22	Nguyễn Thị	Thùy	10/12/1994	Quảng Nam	7.50	Định hướng nghiên cứu	
23	Lê Mai Thùy	Trang	23/09/1994	Quảng Nam	8.50	Định hướng nghiên cứu	
24	Huỳnh Minh	Tuyền	27/10/1982	Quảng Nam	7.51	Định hướng nghiên cứu	
25	Lê Văn	Dũng	06/12/1988	Quảng Trị	7.06	Định hướng ứng dụng	
26	Nguyễn Thị	Hạ	16/06/1992	Đà Nẵng	7.93	Định hướng ứng dụng	
27	Phạm Lê	Hoa	16/02/1990	Đà Nẵng	7.50	Định hướng ứng dụng	
28	Nguyễn Thị Minh	Hương	06/09/1977	Quảng Nam	5.79	Định hướng ứng dụng	
29	Phạm Thị	Phúc	10/03/1991	Đà Nẵng	8.19	Định hướng ứng dụng	
30	Nguyễn Nữ Hoàng	Sa	21/11/1980	Đà Nẵng	6.07	Định hướng ứng dụng	
31	Thái Quang	Sơn	19/07/1990	Đà Nẵng	5.50	Định hướng ứng dụng	
32	Lê Thị Phương	Trinh	22/07/1996	Đà Nẵng	8.05	Định hướng ứng dụng	
33	Phạm Đức	Trung	16/03/1990	Hà Tĩnh	6.48	Định hướng ứng dụng	
34	Nguyễn Chấn	Viễn	24/05/1999	Đà Nẵng	8.06	Định hướng ứng dụng	
35	Vũ Thị	Dung	10/09/1985	Thanh Hóa	6.95	Định hướng ứng dụng	
36	Trịnh Thị Trúc	Duyên	03/06/1981	Bình Dương	7.50	Định hướng ứng dụng	
37	Lâm Nguyễn Ngọc	Hân	01/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	7.36	Định hướng ứng dụng	
38	Trần Thị Thanh	Hằng	14/05/1995	Bình Dương	7.56	Định hướng ứng dụng	
39	Thái Thị Thu	Hiền	13/10/1979	Bình Dương	6.00	Định hướng ứng dụng	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trúng tuyển (thang 10)	Chương trình đào tạo	Ghi chú
40	Đỗ Thị Thu	Hiền	10/05/1976	Thanh Hóa	7.02	Định hướng ứng dụng	
41	Nguyễn Thị	Hoàn	19/12/1983	Nghệ An	6.45	Định hướng ứng dụng	
42	Đặng Thị	Hoàn	22/03/1985	Thái Bình	7.00	Định hướng ứng dụng	
43	Đoàn Thanh	Hoàng	19/12/1993	Bình Dương	7.38	Định hướng ứng dụng	
44	Nguyễn Thị	Hồng	11/02/1985	Thanh Hóa	6.06	Định hướng ứng dụng	
45	Lê Thị	Hợp	15/03/1983	Hà Nội	7.52	Định hướng ứng dụng	
46	Đoàn Thị	Hường	17/03/1987	Nam Định	7.17	Định hướng ứng dụng	
47	Võ Trần	Lâm	14/12/1996	Long An	8.15	Định hướng ứng dụng	
48	Hoàng Viêt	Lập	14/09/1997	Quảng Bình	8.11	Định hướng ứng dụng	
49	Hà Tú	Linh	31/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	7.42	Định hướng ứng dụng	
50	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	26/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	7.86	Định hướng ứng dụng	
51	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/01/1997	Hải Phòng	7.61	Định hướng ứng dụng	
52	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/08/1983	Sông Bé	7.13	Định hướng ứng dụng	
53	Nguyễn Thị Vũ	Quỳnh	20/11/1998	Ninh Thuận	7.00	Định hướng ứng dụng	
54	Nguyễn Thị	Tám	08/08/1983	Bình Dương	6.00	Định hướng ứng dụng	
55	Đặng Thị Thanh	Thảo	22/02/1979	Thái Bình	7.00	Định hướng ứng dụng	
56	Nguyễn Thị	Thơm	07/11/1992	Hải Phòng	6.60	Định hướng ứng dụng	
57	Cao Thị	Thương	05/04/1998	Nam Định	8.53	Định hướng ứng dụng	
58	Trần Thị Huyền	Trân	26/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	7.27	Định hướng ứng dụng	
59	Đặng Vũ Phương	Uyên	07/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	6.64	Định hướng ứng dụng	
60	Nguyễn Hoàng	Dũng	31/05/1967	Thành phố Hồ Chí Minh	6.94	Định hướng ứng dụng	
61	Trần Thanh	Hằng	24/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	7.72	Định hướng ứng dụng	
62	Lê Thị Mỹ	Hạnh	05/08/1994	Khánh Hòa	7.50	Định hướng ứng dụng	
63	Võ Công	Hậu	27/03/1996	Đồng Nai	7.87	Định hướng ứng dụng	
64	Nguyễn Thị Mai	Huyền	01/02/1991	Quảng Ngãi	6.68	Định hướng ứng dụng	
65	Nguyễn Văn	Kiệt	28/02/1994	Bình Định	6.38	Định hướng ứng dụng	
66	Trần Văn	Mừng	03/09/1978	Bắc Giang	7.44	Định hướng ứng dụng	
67	Đặng Thị Thúy	Nhàn	11/02/1988	Tiền Giang	7.17	Định hướng ứng dụng	
68	Lê Minh	Thái	26/10/1987	Bình Định	7.05	Định hướng ứng dụng	
69	Bùi Văn	Thắng	04/08/1984	Thanh Hóa	7.51	Định hướng ứng dụng	
70	Đinh Thị Hương	Thảo	15/08/1989	Phú Yên	6.69	Định hướng ứng dụng	
71	Trần Thúy	Thúy	16/09/1992	Hà Tĩnh	8.19	Định hướng ứng dụng	
72	Bùi Lê Nữ Phương	Tiên	24/08/1991	Bình Phước	7.53	Định hướng ứng dụng	
73	Trần Thị Kim	Trúc	20/05/1989	Đồng Tháp	7.85	Định hướng ứng dụng	
74	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyến	11/09/1982	Đồng Tháp	6.97	Định hướng ứng dụng	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trúng tuyển (thang 10)	Chương trình đào tạo	Ghi chú
Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường							
1	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	03/09/1988	Gia Lai	7.50	Định hướng ứng dụng	
2	Lê Thị Thùy	Linh	10/12/1999	Thanh Hóa	8.03	Định hướng ứng dụng	
3	Nguyễn Thái	Nguyễn	14/05/2000	Bạc Liêu	8.16	Định hướng ứng dụng	
Ngành Sinh học							
1	Hồ Thị Xuân	Hiền	02/02/1994	Đà Nẵng	7.89	Định hướng nghiên cứu	
2	Phạm Thị Cẩm	Tú	19/08/1995	Quảng Nam	7.86	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Tâm lý học							
1	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/05/1996	Bình Định	8.32	Định hướng nghiên cứu	
2	Chung Phan Gia	Khải	07/03/1998	Đà Nẵng	7.90	Định hướng nghiên cứu	
3	Đỗ Thị Thùy	Minh	10/10/1996	Kon Tum	7.96	Định hướng nghiên cứu	
4	Lê Bá	Quang	24/06/2000	Quảng Trị	7.76	Định hướng nghiên cứu	
5	Nguyễn Thị Hương	Thảo	05/05/2001	Quảng Ngãi	8.50	Định hướng nghiên cứu	
6	Nguyễn Minh	Truyền	15/08/1998	Lâm Đồng	8.22	Định hướng nghiên cứu	
7	Trần Thị	Tuyết	08/05/1992	Đà Nẵng	7.96	Định hướng nghiên cứu	
8	Trần Thị Ngọc	Vân	23/05/1996	Gia Lai	7.01	Định hướng nghiên cứu	
9	Nguyễn Thị Hồng	Cam	20/06/1992	Bình Định	8.09	Định hướng ứng dụng	
10	Nguyễn Thị Hoài	Cẩm	19/05/2002	Quảng Nam	8.28	Định hướng ứng dụng	
11	Bùi Thị	Dung	15/08/1990	Nghệ An	7.43	Định hướng ứng dụng	
12	Nguyễn Thúy	Hằng	01/06/1995	Đà Nẵng	7.53	Định hướng ứng dụng	
13	Trần Thúy	Hiền	16/09/2002	Nghệ An	7.86	Định hướng ứng dụng	
14	Mai Thị Thanh	Hiền	04/07/2002	Đà Nẵng	7.52	Định hướng ứng dụng	
15	Võ Văn	Hùng	20/06/1994	Quảng Ngãi	7.67	Định hướng ứng dụng	
16	Phan Thị	Ny	07/11/2002	Quảng Nam	8.36	Định hướng ứng dụng	
17	Tường Nhật	Tài	06/07/2002	Quảng Nam	8.64	Định hướng ứng dụng	
18	Lê Minh	Triết	19/07/2002	Quảng Bình	7.77	Định hướng ứng dụng	
19	Nguyễn Phan Tuyết	Trinh	07/06/1987	Quảng Nam	7.57	Định hướng ứng dụng	
20	Trần Văn	Vũ	18/07/1996	Quảng Trị	6.90	Định hướng ứng dụng	
21	Nguyễn Thị	Hiền	20/11/1980	Thanh Hóa	6.96	Định hướng ứng dụng	
22	Phạm Thị	Hiền	07/07/1993	Thái Bình	7.60	Định hướng ứng dụng	
23	Đái Minh	Hùng	01/03/1991	Bình Dương	7.07	Định hướng ứng dụng	
24	Nguyễn Thị	Nhàn	24/05/1992	Nghệ An	8.06	Định hướng ứng dụng	
25	Châu Thị Hồng	Nhung	16/11/1986	Kiên Giang	7.91	Định hướng ứng dụng	
26	Nguyễn Đức	Quang	28/09/1970	Hà Nội	7.00	Định hướng ứng dụng	
27	Bùi Phương	Quỳnh	14/08/1986	Cà Mau	8.95	Định hướng ứng dụng	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trúng tuyển (thang 10)	Chương trình đào tạo	Ghi chú
28	Lê Thị My	Sa	28/08/1995	Tây Ninh	7.86	Định hướng ứng dụng	
Ngành Việt Nam học							
1	Đặng Thúy	Hiền	04/05/2001	Quảng Nam	7.24	Định hướng nghiên cứu	
2	Trần Thị Hồng	Khuong	05/11/1995	Đắk Lắk	7.60	Định hướng nghiên cứu	
3	Phan Thị Xuân	Mai	04/08/1988	Đà Nẵng	8.16	Định hướng nghiên cứu	
4	Nguyễn Thành	Nam	02/08/1985	Phú Thọ	7.61	Định hướng nghiên cứu	
5	Đỗ Thị Bích	Thủy	15/09/1986	Quảng Nam	7.96	Định hướng nghiên cứu	
6	Ngô Thị Bích	Vân	31/08/1976	Vĩnh Phúc	7.75	Định hướng nghiên cứu	
Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí							
1	Nguyễn Văn	Minh	09/10/2001	Đà Nẵng	8.75	Định hướng ứng dụng	
Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học							
1	Tôn Lê Phương	Dung	18/03/1993	Đà Nẵng	8.24	Định hướng nghiên cứu	
2	Ngô Thị Thu	Liều	20/11/1989	Quảng Ngãi	7.91	Định hướng nghiên cứu	
3	Nguyễn Thị Nam	Phương	23/12/1997	Quảng Nam	8.28	Định hướng nghiên cứu	
4	Trần Thị Duy	Tính	01/07/1998	Quảng Nam	8.03	Định hướng nghiên cứu	
5	Nguyễn Thành	Trọng	19/05/1997	Quảng Nam	7.47	Định hướng nghiên cứu	
6	Châu Thị	Vượng	01/02/1996	Quảng Bình	8.22	Định hướng nghiên cứu	
7	Nguyễn Thị Hồng	Sương	18/11/1997	Quảng Nam	7.88	Định hướng nghiên cứu	

Danh sách này có 173 thí sinh./.